

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2483 /BTS-TCKT

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2024

V/v công bố thông tin ký kết hợp đồng  
với người có liên quan của Công ty.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- 1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.**
- 2. Mã chứng khoán: BTS.**
- 3. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Thanh Sơn-Huyện Kim Bảng-Tỉnh Hà Nam.**

**4. Điện thoại: 02263.851.323; Fax: 02263.851.320-02263.852.482.**

**5. Người thực hiện công bố thông tin.**

Người thực hiện công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn là Ông Phạm Trần Việt – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn.

**6. Nội dung của thông tin công bố.**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn xin công bố:

- Nghị quyết số 2480/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

- Nghị quyết số 2481/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao xi măng.

- Nghị quyết số 2482/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị về việc chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng.

**7. Địa chỉ Website đăng tải.**

Website: vicembutson.com.vn hoặc: vicembutson.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, TGD Cty (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Trần Việt

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng**  
**với Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024 về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ với các đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 490/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ năm 2025 với người có liên quan.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận việc ký các hợp đồng với Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024, bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò.
- Hợp đồng cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế.

**Điều 2.** Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VICEM (đề b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Đào Tuấn Khôi**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao xi măng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP XM Vicem Bút Sơn;*

*Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024 về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ với các đơn vị có liên quan;*

*Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 490/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ năm 2025 với người có liên quan.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao xi măng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024.

**Điều 2.** Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- VICEM (đề b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.

*[Handwritten signature]*



**Đào Tuấn Khôi**

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu xây dựng Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP XM Vicem Bút Sơn;

Căn cứ đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024 về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ với các đơn vị có liên quan;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị Công ty số 490/BTS-HĐQT ngày 31/12/2024 về việc chấp thuận việc ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ năm 2025 với người có liên quan.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận việc ký hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất với Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu xây dựng Đà Nẵng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 2345/BTS-TGD ngày 26/12/2024.

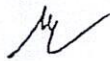
**Điều 2.** Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai các thủ tục ký kết hợp đồng và thực hiện các nội dung khác có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VICEM (đề b/c);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TC, HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**





**Đào Tuấn Khôi**

Hà Nam, ngày 26 tháng 12 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### Về việc chấp thuận ký hợp đồng mua nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ với các đơn vị có liên quan

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ Văn bản số 1230/VICEM-KTPC ngày 22/06/2023 vv các quy định về ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.


Nhằm đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguyên, nhiên vật liệu và cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất năm 2025, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn đã triển khai công tác lựa chọn các nhà cung cấp theo Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty. Căn cứ kết quả đánh giá và đàm phán với các nhà cung cấp, Công ty dự kiến ký hợp đồng với một số đơn vị là thành viên của VICEM như sau:

STT	Tên đơn vị	Nội dung hợp đồng	Quan hệ với Vicem
1	Công ty CP Năng lượng & Môi trường VICEM	Hợp đồng cung cấp than cám	Công ty con
		Hợp đồng cung cấp rác công nghiệp	
2	Công ty CP VICEM Thạch cao xi măng	Hợp đồng cung cấp thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman	Công ty con
3	Công ty CP VICEM Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Hợp đồng cung cấp vỏ bao xi măng	Công ty con

Để thực hiện theo các quy định của pháp luật và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh năm 2025, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét chấp thuận việc ký hợp đồng với các đơn vị có liên quan. (Dự thảo hợp đồng với các đơn vị đính kèm).

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT. 



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**Đỗ Tiên Trình**

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTS-

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

## HỢP ĐỒNG

### Về việc Cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò

#### Căn cứ:

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

Biên bản ngày / /2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm "Cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò" giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem;

Quyết định số /BTS- ngày / /2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, gói mua sắm "Cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò";

Khả năng và nhu cầu của các Bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

#### **BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN**

Mã số thuế : 0700117613  
Địa chỉ trụ sở : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại : 0226.3851.323; Fax: 0226.3851.320  
Đại diện : Ông **Đỗ Tiến Trình** Chức vụ: Tổng Giám đốc  
Tài khoản : Số 4820000906 tại BIDV - CN Hà Nam

(Sau đây gọi tắt là "**Bên Mua**" hoặc "**Bên A**")

#### **BÊN BÁN: CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Mã số thuế : 0100106352  
Địa chỉ : 21B Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.  
Điện thoại : 024.38457.328; Fax: 024.38457.186  
Đại diện : Ông **Trần Khắc Mạnh** Chức vụ: Tổng giám đốc  
Tài khoản : 2224045453 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

(Sau đây gọi tắt là "**Bên Bán**" hoặc "**Bên B**")

Sau khi trao đổi, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán than cám với các điều khoản cụ thể như sau:

### ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1.1. "**Hợp đồng**" là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.2. "**Phụ lục Hợp đồng**" là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.3. "**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**" là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.4. "**Đơn giá**" là giá giao hàng tại Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành và các chi phí liên quan để thực hiện hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.

1.5. "**Sự kiện bất khả kháng**" là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.6. "**Ngày**" bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.7. "**Pháp luật**" là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.8. "**Lô hàng**" được xác định là 1.000 tấn hàng hóa hoặc lượng hàng hóa chứa trên 01 phương tiện vận chuyển (tàu/sà lan).

### ĐIỀU 2: HỒ SƠ HỢP ĐỒNG

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Văn bản Hợp đồng này;

2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);

2.3. Biên bản ngày /12/2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm "Cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò" giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem;

2.4. Quyết định số /BTS- ngày /12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm "Cung cấp than cám sử dụng làm nhiên liệu đốt lò".

### ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

3.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán than cám để phục vụ sản xuất (sau đây gọi là hàng hóa) với số lượng, đơn giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Than cám 4b.1	Tấn	35.000	2.910.000	101.850.000.000
2	Than cám Qkgr ≥ 5.200 Kcal/Kg/Than cám 5b.3	Tấn	17.500	2.320.000	40.600.000.000
Cộng					142.450.000.000
Thuế GTGT 10%					14.245.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>156.695.000.000</b>



## 4.1.1. Than cám 4b.1

Stt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị yêu cầu
1	$W^{tp(1)}$ nhập hàng mùa khô	%	$\leq 13,00$
	$W^{tp(2)}$ nhập hàng mùa mưa	%	$\leq 16,00$
2	$W^{tp}$ tính hàng	%	8,50
3	Độ tro khô, $A^k$	%	23,01 ÷ 27,00
4	Chất bốc khô, $V^k$	%	5,5 ÷ 8,5
5	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô $Q^k_{gr}$	Cal/g	$\geq 5.950$
6	Lưu huỳnh chung khô, $S^k_{ch}$	%	$\leq 0,9$
7	Cỡ hạt	mm	$\leq 15$

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Mùa khô từ ngày từ ngày 01/01 ÷ 31/3 và từ ngày 01/11 ÷ 31/12.

<sup>(2)</sup> Mùa mưa từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/10.

4.1.2. Than cám 5b.3/Than cám  $Q^k_{gr} \geq 5.200$  Kcal/Kg

Stt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị yêu cầu
1	$W^{tp(1)}$ nhập hàng mùa khô	%	$\leq 13,00$
	$W^{tp(2)}$ nhập hàng mùa mưa	%	$\leq 16,00$
2	$W^{tp}$ tính hàng	%	8,50
3	Độ tro khô, $A^k$	%	26,01 ÷ 37,00
4	Chất bốc khô, $V^k$	%	4,0 ÷ 12
5	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô $Q^k_{gr}$	Cal/g	$\geq 5.200$
6	Lưu huỳnh chung khô, $S^k_{ch}$	%	$\leq 0,9$
7	Cỡ hạt 0 ÷ 50 mm	%	$\geq 90$

Ghi chú: <sup>(1)</sup> Mùa khô từ ngày từ ngày 01/01 ÷ 31/3 và từ ngày 01/11 ÷ 31/12.

<sup>(2)</sup> Mùa mưa từ ngày 01/4 đến hết ngày 31/10.

4.2. Than nhập là than đã qua sàng tuyển, không lẫn tạp chất có hại như đất, đá, bê tông, sắt, thép...

### ĐIỀU 5: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ KHỐI LƯỢNG THANH TOÁN

5.1. Thời gian giao hàng: Giao hàng làm nhiều đợt, khối lượng và thời gian giao hàng cụ thể của mỗi đợt theo thông báo của Bên A gửi cho Bên B.

5.2. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho, bãi hoặc máng tiếp nhận của Bên A (Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) bằng phương tiện vận chuyển của Bên B.

5.3. Phương thức giao nhận:

3.2. Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) là: **156.695.000.000** đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

3.3. Xuất xứ hàng hóa: Than cám được chế biến có nguồn gốc xuất xứ từ Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc, nhập khẩu, chế biến từ các đơn vị thương mại...

3.4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

3.5. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

3.5.1. Đồng Việt Nam/tấn than: Theo khoản 3.1 của điều này.

3.5.2. Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành và các chi phí liên quan để thực hiện hợp đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và không phải ký Phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.5.3. Đối với loại than có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo khoản 6.2 điều 6 của hợp đồng này.

3.6. Đơn giá sẽ được điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng cho phù hợp với thực tế trong những trường hợp sau:

3.6.1. Khi có quyết định về thay đổi giá cho các chủng loại than do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) ban hành.

3.6.2. Nhà nước thay đổi chính sách về thuế hoặc tiền lương và các chi phí hợp lý khác... biến động từ  $\pm 10\%$  trở lên. Trong trường hợp có sự biến động đối với các chi phí khác thì hai bên sẽ cùng nhau xem xét và điều chỉnh giá mua bán than cho phù hợp.

3.6.3. Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 \pm A$$

Trong đó:

$P_1$  : Đơn giá mới

$P_0$  : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá của lần điều chỉnh trước đó

A: Giá điều chỉnh (Tăng/Giảm).

3.7. Trường hợp nếu không thỏa thuận được theo đơn giá mới thì hai bên tạm dừng thực hiện hợp đồng, tiến hành đối chiếu hàng hóa và công nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A hoặc Bên B nhận được thông báo giá mới.

3.8. Thay đổi số lượng hàng hóa:

3.8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên A có thể thay đổi khối lượng mua cho phù hợp với tình hình sản xuất nhưng đảm bảo tổng khối lượng than mua không vượt quá 10% so với tổng khối lượng ký hợp đồng thì trong trường hợp này hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng.

3.8.2. Trường hợp tổng khối lượng hàng hóa bên A mua vượt quá 10% so với tổng khối lượng đã ký trong hợp đồng này thì hai bên sẽ điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

#### **ĐIỀU 4: YÊU CẦU KỸ THUẬT**

4.1. Than cám có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

- M: Là khối lượng than thanh toán (Đã được quy về độ ẩm trung bình 8,5%).
- $M_{tt}$ : Là khối lượng thực tế giao nhận qua bàn cân của bên A (tương ứng với độ ẩm thực tế)
- $W^{ip}$ : Là độ ẩm nhập hàng của than cám 4b.1, theo quy định tại khoản 4.1, điều 4 của Hợp đồng này.
- $W^{ip}_{tt}$ : Là độ ẩm thực tế (theo kết quả phân tích chất lượng than của phòng Thí nghiệm bên A).
- $M_{ic}$ : Là khối lượng sỏi, sạn trong than.

5.5.2. Nếu độ ẩm thực tế của than  $W^{ip}_{tt} > W^{ip}$  thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5% và bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

#### 5.6. Độ ẩm đầu nguồn:

5.6.1. Trong trường hợp độ ẩm đầu nguồn ( $W^{ip}_{dn}$ ) > độ ẩm nhập hàng ( $W^{ip}$ ), hai bên sẽ trao đổi bằng văn bản hoặc điện thoại hoặc thư điện tử. Nếu bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5%. Đơn giá thanh toán theo giá tại thời điểm nhập hàng.

5.6.2. Bên B kiểm soát chất lượng hàng hóa để đảm bảo chênh lệch giữa độ ẩm theo kết quả phân tích mẫu sơ bộ ( $W^{ip}_{sb}$ ) của bên A và độ ẩm đầu nguồn không vượt quá 1% ( $W^{ip}_{sb} - W^{ip}_{dn} \leq 1\%$ ). Nếu  $W^{ip}_{sb} - W^{ip}_{dn} > 1\%$  thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp bên A đồng ý nhập hàng phục vụ sản xuất, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 8,5% và bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

5.7. Nếu phát hiện trong than có lẫn sỏi, sạn ... bên A sẽ chủ trì cân lại khối lượng và trừ vào khối lượng than nhập khi nghiệm thu thanh toán.

5.8. Trường hợp hàng hóa về theo thông báo nhưng Bên A chưa có nhu cầu sử dụng ngay cho sản xuất, trong khi Bên B cần giải phóng phương tiện thì hai bên tiến hành lấy mẫu thí nghiệm và giao nhận hàng hóa, làm biên bản gửi kho. Khối lượng nghiệm thu chính thức để thanh toán là khối lượng thực tế đưa vào sử dụng và được nghiệm thu theo quy định của Bên A.

5.9. Bên B ủy quyền cho Chi nhánh Công ty CP Năng lượng và Môi trường Vicem tại Hà Nam thực hiện giao nhận hàng hóa, đối chiếu và viết hóa đơn GTGT để thanh toán tiền hàng với bên A.

### ĐIỀU 6: NGHIỆM THU HÀNG HÓA

6.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

6.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Bên A thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

5.3.1. Bên A sẽ thông báo khối lượng than cần cung cấp của từng đợt cho Bên B.

5.3.2. Bên B có trách nhiệm thông báo đầy đủ, chính xác thời gian giao hàng để Bên A có phương án tiếp nhận; trường hợp có thay đổi, Bên B phải thông báo trước tối thiểu 03 ngày. Trước thời điểm nhập hàng tối thiểu 01 ngày, Bên B cung cấp chứng thư chất lượng của hàng hóa cho Bên A.

5.3.3. Khi hàng về, Bên B phải thông báo cho Bên A trước 24 giờ về chủng loại, khối lượng và các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa. Hàng hóa sẽ được kiểm tra, lấy mẫu sơ bộ (Nếu cần) trước khi tiến hành nhập hàng như sau:

a) Đối với hàng hóa vận chuyển đường thủy, Bên A lấy mẫu kiểm tra chất lượng sơ bộ. Căn cứ vào kết quả mẫu sơ bộ của phòng Thí nghiệm Bên A:

a1) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng đạt chỉ tiêu kỹ thuật như thông báo nhập hàng của Bên A thì hai bên sẽ tiến hành làm các thủ tục nhập hàng.

a2) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng có chỉ tiêu kỹ thuật khác với thông báo nhập hàng của Bên A nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì hai bên sẽ tiến hành làm các thủ tục nhập hàng. Việc nghiệm thu và thanh toán thực hiện theo mục 5.3.4 điều này và khoản 6.2, điều 6 của hợp đồng này.

a3) Nếu kết quả phân tích mẫu sơ bộ lô hàng có chỉ tiêu kỹ thuật khác với thông báo nhập hàng của Bên A và không đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng, Bên B có trách nhiệm giao bù khối lượng hàng hóa đã bị từ chối và phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

b) Đối với hàng hóa vận chuyển về bằng đường bộ, Bên A sẽ giám sát, kiểm tra trực quan về màu sắc, kích thước, độ ẩm... (hoặc lấy mẫu phân tích sơ bộ trên phương tiện vận chuyển hoặc từ đầu nguồn nếu cần); Nếu hàng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì hai bên sẽ tổ chức giao nhận hàng theo quy định của Bên A.

5.3.4. Lấy mẫu để làm nghiệm thu chính thức: Hàng ngày, Bên A lấy mẫu trong quá trình nhập than để kiểm tra các chỉ tiêu ( $A^k\%$ ), ( $V^k\%$ ), ( $W^{tp}\%$ ), ( $Q^k_{gr}$  Kcal/Kg), ( $S^k_{ch}$ ) và cỡ hạt. Kết quả kiểm tra mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A là cơ sở để nghiệm thu chính thức. Chất lượng được tính bình quân toàn đoàn phương tiện.

Mẫu than được chia đều theo yêu cầu về số lượng mẫu của các bên liên quan (Bên bán lưu 04 mẫu (02 mẫu ẩm và 02 mẫu chất lượng). Các mẫu được niêm phong có số niêm chì và có chữ ký của đại diện các bên.

Trong vòng 48h kể từ khi có kết quả chính thức, bên mua thông báo kết quả mẫu cho bên bán.

5.4. Khối lượng hàng giao nhận: Được tính căn cứ vào khối lượng hàng trên phương tiện Bên B qua cầu cân của Bên A.

5.5. Khối lượng than thanh toán được xác định như sau:

5.5.1. Độ ẩm than  $W^{tp}_{tt} \leq W^{tp}$  thì khối lượng thanh toán (Quy về độ ẩm trung bình 8,5%) được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100 - 8,5} - M_{tc}$$

Trong đó:

6.2.1. Nhiệt trị  $Q_{gr}^k$ :

## 6.2.1.1. Than cám 4b.1

a) Nếu than nhập có chỉ tiêu  $5.900 \text{ Kcal/Kg} \leq Q^k < 5.950 \text{ Kcal/Kg}$  thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức dưới đây và giảm trừ tiếp 2% giá trị hàng hóa đó:

$$G_{tt} = \left( \frac{Q_{tt}^k}{5.950} \right) \times G_{cs} \text{ (đồng/tấn)}$$

Trong đó:

-  $G_{tt}$ : Là đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị toàn phần khô thực tế của than.

-  $G_{cs}$ : Là đơn giá cơ sở, tương ứng với than ở nhiệt trị  $5.950 \text{ Kcal/Kg}$  tại khoản 3.1, điều 3 của hợp đồng này.

-  $Q_{tt}^k$ : Là nhiệt trị toàn phần khô xác định tại phòng Thí nghiệm của bên A để làm cơ sở cho thanh toán, được tính cho từng lô hàng.

b) Trường hợp than có chỉ tiêu  $5.800 \text{ Kcal/Kg} \leq Q^k < 5.900 \text{ Kcal/Kg}$  thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức tại điểm a, mục 6.2.1.1, đồng thời giảm trừ tiếp 3% giá trị hàng hóa đó.

c) Trường hợp than nhập có chỉ tiêu  $Q^k < 5.800 \text{ Kcal/Kg}$  thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức tại điểm a, mục 6.2.1.1, đồng thời giảm trừ tiếp 5% giá trị hàng hóa đó.

6.2.1.2. Than cám 5b.3/Than cám  $Q_{gr}^k \geq 5.200 \text{ Kcal/Kg}$ 

a) Nếu than nhập có chỉ tiêu  $5.100 \text{ Kcal/Kg} \leq Q^k < 5.200 \text{ Kcal/Kg}$  thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức dưới đây, đồng thời Bên B bị giảm trừ tiếp 2% giá trị hàng hóa:

$$G_{tt} = \left( \frac{Q_{tt}^k}{5.200} \right) \times G_{cs} \text{ (đồng/tấn)}$$

Trong đó:

-  $G_{tt}$ : Là đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị toàn phần khô thực tế của than.

-  $G_{cs}$ : Là đơn giá cơ sở, tương ứng với than ở nhiệt trị  $5.600 \text{ Kcal/Kg}$  tại khoản 4.1, điều 4 của hợp đồng này.

-  $Q_{tt}^k$ : Là nhiệt trị toàn phần khô xác định tại phòng Thí nghiệm của Bên A để làm cơ sở cho thanh toán, được tính cho từng lô hàng.

b) Trường hợp than có chỉ tiêu  $5.000 \text{ Kcal/Kg} \leq Q^k < 5.100 \text{ Kcal/Kg}$  thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức tại điểm a, mục 6.2.1.2, đồng thời giảm trừ tiếp 3% giá trị hàng hóa đó.

d) Trường hợp than nhập có chỉ tiêu  $Q^k < 5.000 \text{ Kcal/Kg}$  thì Bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức tại điểm a, mục 6.2.1.2, đồng thời giảm trừ tiếp 5% giá trị hàng hóa đó.

#### 6.2.2. Các chỉ tiêu khác:

a) Độ tro khô  $A^k$ : Nếu than nhập có chỉ tiêu  $A^k$  ngoài dải chỉ số quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

b) Chất bốc khô  $V^k$ : Nếu than nhập có chỉ tiêu  $V^k$  ngoài dải chỉ số quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

#### c) Cỡ hạt:

c1) Than cám 4b.1: Nếu than nhập có chỉ tiêu cỡ hạt  $> 15\text{mm}$  trên 10% thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

c2) Than cám 5b.3/Than cám  $Q^k_{gr} \geq 5.200 \text{ Kcal/Kg}$ : Nếu than nhập có chỉ tiêu cỡ hạt  $> 50\text{mm}$  trên 10% thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

#### d) Lưu huỳnh ( $S^k_{Ch}$ ):

- Nếu than nhập có chỉ tiêu  $0,9\% < S^k_{Ch} \leq 1,5\%$  thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng.

- Nếu than nhập có chỉ tiêu  $1,5\% < S^k_{Ch}$  thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 2% giá trị lô hàng.

6.3. Khi có tranh chấp về các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản và lấy mẫu lưu để thí nghiệm tại bên thứ 3 (SGS Việt Nam/Vinacontrol). Kết quả thí nghiệm của bên thứ 3 là kết quả hai bên phải công nhận. Chi phí thí nghiệm tại bên thứ 3 do bên đề nghị thí nghiệm chi trả.

### ĐIỀU 7: THANH TOÁN

7.1. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

7.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

7.3. Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày sau khi hoàn tất các thủ tục nhập kho và hồ sơ thanh toán của bên B theo từng tháng. Hồ sơ, chứng từ thanh toán như sau:

a) Hóa đơn Giá trị gia tăng theo quy định;

b) Phiếu phân tích chất lượng do Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn cấp (01 bản chính);

c) Bảng tính khối lượng vật tư công nghệ trừ âm;

d) Biên bản nghiệm thu hàng hoá;

- e) Giấy chứng nhận chất lượng của bên thứ 3 (Nếu có);
- f) Các chứng từ khác liên quan (Nếu có).

### **ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

8.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) bằng công nợ.

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31/01/2026 hoặc cho đến khi hai Bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

8.3. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho bên A do lỗi của bên B không hoàn thành các nghĩa vụ qui định trong hợp đồng này.

### **ĐIỀU 9: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

9.1. Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng: Nếu Bên B vi phạm tiến độ giao hàng như đã thoả thuận thì Bên B phải chịu phạt bằng 0,5% giá trị lô hàng cho 05 ngày chậm đầu tiên; bằng 1%/ngày giá trị lô hàng từ ngày thứ 06 trở đi nhưng không quá 8% giá trị lô hàng. Nếu thời gian chậm quá 15 ngày, Bên A có quyền mua hàng hóa của đơn vị khác để đảm bảo sản xuất.

9.2. Trong trường hợp Bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của Hợp đồng và Bên A không chấp nhận nhập hàng thì Bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng yêu cầu chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 07 ngày (kể từ ngày Bên A không chấp nhận nhập hàng) và chịu phạt do giao hàng chậm theo khoản 9.1 điều 9 của Hợp đồng này.

9.3. Bồi thường thiệt hại:

9.3.1. Trường hợp hàng hóa do Bên B cung cấp có chứa chất thải nguy hại, chất gây cháy nổ, bê tông, sắt thép... trong quá trình nhập hàng gây hư hỏng thiết bị, làm ảnh hưởng đến sản xuất, môi trường của Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A.

9.3.2. Trường hợp một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho Bên bị thiệt hại.

### **ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG**

10.1. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để hai Bên cùng xem xét;

10.2. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

10.3. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng, nếu Bên B chứng minh được mình đã dùng mọi biện pháp trong khả năng có thể nhưng không thể hạn chế hoặc khắc phục được hậu quả từ sự kiện bất khả kháng dẫn đến Bên B không thể bàn giao

hàng hóa đúng tiến độ, Bên A có thể xem xét và không áp dụng điều khoản phạt vi phạm tiến độ theo quy định của Hợp đồng. Các điều khoản phạt vi phạm còn lại không áp dụng cho trường hợp Bất khả kháng.

## **ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN**

### **11.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:**

11.1.1. Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng Bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp; Phối hợp cùng Bên B giải quyết phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có);

11.1.2. Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của Bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B trong trường hợp này.

11.1.3. Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do Bên B cấp trong trường hợp Bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của Bên A và không đáp ứng với yêu cầu sản xuất.

11.1.4. Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

11.1.5. Tạo điều kiện, bố trí mặt bằng và phối hợp cùng Bên B tiến hành lập biên bản bàn giao sơ bộ hàng hóa tại kho/cảng Bút Sơn trong trường hợp hàng hóa được xếp dỡ lên mặt bằng kho/cảng.

### **11.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:**

11.2.1. Bên B cam kết chuẩn bị đầy đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng này để cung cấp đáp ứng tiến độ, đúng chủng loại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như quy định của hợp đồng này.

11.2.2. Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

11.2.3. Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy quy định của Bên A và phải chịu sự điều phối của Bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

11.2.4. Có trách nhiệm cung cấp các chứng từ cần thiết và đảm bảo tính pháp lý của chất lượng, xuất xứ hàng hóa cung cấp cho Bên A (Khi cần); Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau. Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của hàng hóa và các giấy tờ đã cung cấp cho Bên A.

11.2.5. Phương tiện vận chuyển hàng hóa của Bên B phải che kín để đảm bảo vệ sinh môi trường và đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, chấp hành các quy định của Pháp luật và quy định của Bên A về giao nhận hàng hóa, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

11.2.6. Phối hợp cùng Bên A tiến hành lập biên bản bàn giao sơ bộ hàng hóa tại kho, bãi (cảng) trong trường hợp hàng hóa được tạm gửi kho của Bên A.

11.2.7. Có trách nhiệm trả phí qua Cảng Bút Sơn theo quy định của Bên A (Nếu có).



## **ĐIỀU 12: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

## **ĐIỀU 13: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

13.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;  
b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;

c) Bên A, Bên B bị phá sản;

d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

13.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 13.2 điều này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

13.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 13.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

13.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

## **ĐIỀU 14: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

14.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

14.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

14.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTS-

Hà Nam, ngày tháng năm 202

## HỢP ĐỒNG

V/v Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế

### I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

- Căn cứ Quyết định số 1282/BTS-TC ngày 22/11/2023 của Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành quy trình quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

- Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói mua sắm "Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế" ngày /12/2024 giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM;

- Quyết định số /BTS-KHCL ngày /12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm "Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế";

- Nhu cầu và khả năng của các Bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

### II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

#### 1. Bên mua (Gọi tắt là bên A):

#### CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM BÚT SƠN

Địa chỉ : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Điện thoại số : 0226 385 1323; Fax: 0226 385 1320.

Số tài khoản : 4820.000.906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam.

Mã số thuế : 0700117613

Đại diện : Ông Đỗ Tiến Trình Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây gọi tắt là "Bên Mua" hoặc "Bên A")

#### 2. Bên bán (Gọi tắt là bên B):

14.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

14.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Tiến Trình**

### Điều 3. Phạm vi cung cấp và giá trị của hợp đồng

3.1. Bên A đồng ý mua và bên B đồng ý bán rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế phục vụ sản xuất cho bên A (sau đây gọi là hàng hóa) với số lượng, chủng loại và đơn giá như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Rác công nghiệp loại 5	Tấn	10.000	1.080.000	10.800.000.000
Tổng					10.800.000.000
Thuế GTGT 8%					864.000.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>11.664.000.000</b>

3.2. Tổng giá trị (đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định của Nhà nước, chi phí giao hàng và các chi phí liên quan khác) là: **11.664.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười một tỷ, sáu trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Thay đổi thuế GTGT: Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

a) Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại điều 4 của hợp đồng này.

b) Đối với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất và Bên A chấp nhận nhập hàng thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo điều 5 của hợp đồng này.

c) Đơn giá sẽ được điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng cho phù hợp với thực tế khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, xăng dầu, tiền lương... và các chi phí hợp lý khác làm đơn giá thay đổi từ  $\pm 10\%$  trở lên thì hai bên sẽ tiến hành đàm phán điều chỉnh giá.

d) Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 + P_{\text{chênh lệch}}$$

Trong đó:

$P_1$  : Đơn giá mới

$P_0$  : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá đang thực hiện

$P_{\text{chênh lệch}}$ : Phần tăng, giảm của đơn giá

3.5. Thay đổi số lượng hàng hóa:

3.5.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên A có thể thay đổi khối lượng mua cho phù hợp với tình hình sản xuất nhưng đảm bảo tổng khối lượng than mua không vượt quá 10% so với tổng khối lượng ký hợp đồng thì trong trường hợp này hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng.

## CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ : 21B Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.  
 Điện thoại: 02.438457328.  
 Số tài khoản : 2221.000.4045453 – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.  
 Mã số thuế : 0100106352.  
 Đại diện : Ông Trần Khắc Mạnh Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*(Sau đây gọi tắt là “Bên Bán” hoặc “Bên B”)*

### III. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:

#### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1.1. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.2. “**Phụ lục Hợp đồng**”: Là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.3. “**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.4. “**Đơn giá**” là giá giao hàng tại kho/bãi của Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác theo quy định hiện hành và các chi phí liên quan để thực hiện hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT.

1.5. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.6. “**Ngày**” bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.7. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.8. “**Lô hàng**” được xác định là lượng hàng hóa theo thông báo mỗi ngày/đợt của bên A (hoặc tối đa 200 tấn).

#### Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Văn bản Hợp đồng này;

2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);

2.3. Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế” ngày /12/2024 giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM;

2.4. Quyết định số /BTS-KHCL ngày /12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm “Cung cấp rác công nghiệp loại 5 sử dụng làm nhiên liệu thay thế”;

3.5.2. Trường hợp tổng khối lượng hàng hóa bên A mua vượt quá 10% so với tổng khối lượng đã ký trong hợp đồng này thì hai bên sẽ điều chỉnh bằng phụ lục hợp đồng.

#### **Điều 4. Các chỉ tiêu kỹ thuật hàng hóa**

4.1. Rác công nghiệp loại 5 có các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

STT	Chỉ tiêu chất lượng	Đvt	Giá trị yêu cầu Rác công nghiệp loại 5
1	Hàm lượng ẩm toàn phần, $W^{tp}$	%	
	- Dùng để nhập hàng	%	$\leq 8,0$
	- Dùng để tính hàng	%	0
2	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô, $Q_{gr}^k$	Cal/g	$\geq 4.500$
3	Lưu huỳnh chung khô (*)	%	$\leq 3$
4	Hàm lượng $Cl^{-}$ (*)	%	$\leq 3$
5	Kích thước $\leq 100*50*5$ mm	%	$\geq 95$
	Kích thước $\leq 150*50*5$ mm	%	100

(\*) chỉ tiêu kiểm tra khi cần thiết.

Rác công nghiệp loại 5 (vải vụn, bông, sợi, giấy vụn, nhựa vụn, cao su vụn, nút xốp, lót giày...) được đóng gói đảm bảo không phát tán trong quá trình vận chuyển, đảm bảo tiêu chuẩn không là chất thải nguy hại, không lẫn kim loại, bê tông, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất gây cháy nổ...

4.2. Hàng hóa phải được đóng bao/dóng kiện hoặc che chắn, phủ bạt đảm bảo không phát tán trong quá trình vận chuyển.

#### **Điều 5. Thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận và khối lượng thanh toán**

5.1. Thời gian giao hàng: Hàng hóa được giao nhiều đợt, thời gian giao hàng và khối lượng từng đợt theo thông báo cụ thể của bên A gửi cho bên B.

5.2. Địa điểm giao hàng: Giao hàng tại kho/ bãi theo chỉ định của bên mua (Địa chỉ: xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) bằng phương tiện vận chuyển của bên bán.

5.3. Phương thức giao nhận:

5.3.1. Bên A sẽ thông báo khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa cần cung cấp của từng đợt cho bên B.

5.3.2. Bên B có trách nhiệm thông báo đầy đủ, chính xác thời gian giao hàng để bên A có phương án tiếp nhận; trường hợp có thay đổi, bên B phải thông báo trước tối thiểu 01 ngày.

5.3.3. Khi hàng về đến nhà máy, trên phương tiện của bên B, bên A kiểm tra đánh giá sơ bộ (kích thước, chủng loại, tính nguy hại); Nếu hàng hóa đạt yêu cầu kiểm tra sơ

bộ thì 2 bên tiến hành giao nhận theo quy định của bên A. Trường hợp phát hiện trong hàng hóa có lẫn chất thải nguy hại, các vật liệu gây nổ, kích thước, chủng loại không đáp ứng yêu cầu, thì bên A có quyền từ chối nhận hàng.

5.3.4. Bên B bố trí người giao hàng tại kho bên A, dỡ hàng hóa, cắt ngắn bớt hàng còn lẫn vãi quá dài hoặc gỡ rối, cắt nhỏ hàng cuộn chặt, loại bỏ tạp chất, sắt thép, gạch đá, rác sinh hoạt... Nếu phát hiện lẫn rác thải sinh hoạt hoặc rác khác, hoặc chủng loại, kích thước khác với yêu cầu, bên B phải khắc phục ngay theo yêu cầu hoặc mang ra khỏi nhà máy và bên A sẽ xem xét tạm dừng nhập hàng.

5.3.5. Lấy mẫu để làm nghiệm thu chính thức: Mẫu được lấy trong quá trình dỡ hoặc tập kết hàng theo hướng dẫn lấy mẫu của bên A. Bên A kiểm tra các chỉ tiêu theo mục 4.1, điều 4 của Hợp đồng này. Kết quả kiểm tra mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A là cơ sở để nghiệm thu chính thức. Chất lượng được tính bình quân toàn bộ lô hàng.

5.3.6. Bên B ủy quyền cho Chi nhánh Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam thực hiện giao nhận hàng hóa, đối chiếu và viết hóa đơn GTGT để thanh toán tiền hàng với bên A. và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

5.4. Khối lượng hàng giao nhận: Được tính căn cứ vào khối lượng hàng trên phương tiện bên B qua cầu cân của bên A.

5.5. Khối lượng hàng hóa thanh toán được xác định như sau:

a) Độ ẩm hàng hóa  $W^{tp}_{tt} \leq 8\%$  thì khối lượng thanh toán được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{tt} \times \frac{100 - W^{tp}_{tt}}{100}$$

Trong đó:

- M: Là khối lượng hàng hóa thanh toán (tương ứng với độ ẩm tính hàng 0%).
- $M_{tt}$ : Là khối lượng thực tế giao nhận qua bàn cân của bên A (tương ứng với độ ẩm thực tế)
- $W^{tp}_{tt}$ : Là độ ẩm thực tế (theo kết quả phân tích chất lượng hàng hóa của phòng Thí nghiệm bên A).

b) Nếu độ ẩm thực tế của hàng hóa  $W^{tp}_{tt} > 8\%$  thì bên A có quyền từ chối nhận hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng, khối lượng thanh toán được quy về độ ẩm 0% theo công thức ở mục a, khoản 5.5, điều 5 của hợp đồng và bên B bị giảm trừ 0.5% giá trị lô hàng.

5.6. Bên A sẽ chủ trì cân khối lượng vỏ bao bì thu hồi, vật liệu khác lẫn trong hàng hóa, đơn vị cung cấp có thể nhận về theo từng đợt hoặc từng ngày trên xe giao

hàng trong ngày; Khối lượng trả về được trừ vào khối lượng hàng hóa giao nhận của xe hàng này của nhà cung cấp.

## **Điều 6. Nghiệm thu hàng hóa**

6.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

6.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm bên A, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu sản xuất và bên A chấp nhận nhập hàng thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

### 6.2.1. Nhiệt trị $Q_{tt}^k$ :

a) Nếu hàng hóa nhập có chỉ tiêu  $4.000 \text{ Kcal/Kg} \leq Q_{tt}^k < 4.500 \text{ Kcal/Kg}$  thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán theo đơn giá (Chưa bao gồm thuế GTGT) được xác định theo công thức dưới đây, đồng thời bên B bị giảm trừ tiếp 0,5% giá trị hàng hóa.

$$G_{tt} = \left( \frac{Q_{tt}^k}{4.500} \right) \times G_{cs} \text{ (đồng/tấn)}$$

Trong đó:

-  $G_{tt}$ : Là đơn giá thanh toán tương ứng với nhiệt trị toàn phần khô thực tế của hàng hóa.

-  $G_{cs}$ : Là đơn giá cơ sở, tương ứng với hàng hóa ở nhiệt trị 4.500 Kcal/Kg, tại khoản 3.1, điều 3 của hợp đồng này.

-  $Q_{tt}^k$ : Là nhiệt trị toàn phần khô thực tế, được xác định tại phòng Thí nghiệm của bên A để làm cơ sở cho thanh toán, tính cho từng lô hàng.

b) Trường hợp hàng hóa có chỉ tiêu  $Q_{tt}^k < 4.000 \text{ Kcal/Kg}$  thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B theo đơn giá được xác định theo công thức tại mục a, điểm 6.2.1, khoản 6.2, điều 6 của hợp đồng này, đồng thời giảm trừ tiếp 2% giá trị hàng hóa.

6.2.2. Lưu huỳnh chung khô: Trường hợp khi cần thiết, bên A sẽ kiểm tra chỉ tiêu lưu huỳnh chung khô. Nếu khi kiểm tra, hàng hóa nhập có chỉ tiêu lưu huỳnh chung khô  $> 3\%$  thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng.

6.2.3. Hàm lượng Cl: Trường hợp khi cần thiết, bên A sẽ kiểm tra chỉ tiêu hàm lượng Cl. Nếu khi kiểm tra, hàng hóa nhập có chỉ tiêu Hàm lượng Cl  $> 3\%$  thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng.

6.2.4. Kích thước hàng hóa: Nếu hàng hóa nhập có chỉ tiêu kích thước hàng hóa khác quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này thì bên A có quyền từ chối nhập hàng. Trường hợp bên A chấp nhận nhập hàng thì bên B phải gia công tại chỗ cho đến kích thước theo quy định của bên A và khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 0,5% giá trị lô hàng; Trường hợp bên B không gia công tại chỗ cho đến kích



thước theo quy định của bên A mà bên A chấp nhận nhập hàng thì khi thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B giảm trừ 1% giá trị lô hàng.

6.3. Khi có tranh chấp về các chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa thì hai bên sẽ tiến hành lập biên bản và lấy mẫu lưu để thí nghiệm tại bên thứ 3. Kết quả thí nghiệm của bên thứ 3 là kết quả hai bên phải công nhận. Chi phí thí nghiệm tại bên thứ 3 do bên đề nghị thí nghiệm chi trả.

### **Điều 7. Thanh toán**

7.1. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

7.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

7.3. Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục nhập kho và hồ sơ thanh toán của bên B theo từng tháng hoặc từng đợt. Hồ sơ, chứng từ thanh toán như sau:

a) Hóa đơn Giá trị gia tăng theo quy định;

b) Phiếu phân tích chất lượng do Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn cấp (01 bản chính); Hoặc phiếu chứng nhận chất lượng của bên thứ 3 trong trường hợp xảy ra tranh chấp.

c) Bảng tính khối lượng hàng hóa trừ ẩm;

d) Biên bản nghiệm thu hàng hoá;

e) Các chứng từ khác liên quan (Nếu có).

### **Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

8.1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) bằng công nợ.

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 15/01/2026 hoặc cho đến khi hai Bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

8.3. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho bên A do lỗi của bên B không hoàn thành các nghĩa vụ qui định trong hợp đồng này.

8.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: bằng thời hạn có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cộng với 15 ngày.

### **Điều 9. Xử lý vi phạm hợp đồng và bất khả kháng**

9.1. Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng: Nếu bên B vi phạm tiến độ giao hàng như đã thoả thuận thì bên B phải chịu phạt bằng 0,5% giá trị lô hàng cho 05 ngày chậm đầu tiên; bằng 1%/ngày giá trị lô hàng từ ngày thứ 06 trở đi nhưng không quá 8% giá trị lô

hàng. Nếu thời gian chậm quá 10 ngày, bên A có quyền mua hàng hóa của đơn vị khác để đảm bảo sản xuất.

9.2. Trong trường hợp bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của Hợp đồng và bên A không chấp nhận nhập hàng thì bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng yêu cầu chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 02 ngày (kể từ ngày bên A không chấp nhận nhập hàng) và chịu phạt do giao hàng chậm theo khoản 9.1 điều 9 của Hợp đồng này.

9.3. Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này dẫn đến thiệt hại cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại. Trường hợp hàng hóa do bên B cung cấp có chứa chất thải nguy hại, chất gây cháy nổ, bê tông, sắt thép.... gây hư hỏng thiết bị, làm ảnh hưởng đến sản xuất, môi trường của bên A thì bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

#### 9.4. Bất khả kháng

a) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để Hai Bên cùng xem xét;

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

c) Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng, nếu Bên B chứng minh được mình đã dùng mọi biện pháp trong khả năng có thể nhưng không thể hạn chế hoặc khắc phục được hậu quả từ sự kiện bất khả kháng dẫn đến Bên B không thể bàn giao hàng hóa đúng tiến độ, Bên A có thể xem xét và không áp dụng điều khoản phạt vi phạm tiến độ theo quy định của Hợp đồng. Các điều khoản phạt vi phạm còn lại không áp dụng cho trường hợp Bất khả kháng.

### **Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên**

#### 10.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B:

10.1.1. Bên B cam kết chuẩn bị đầy đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng này để cung cấp đáp ứng tiến độ, đúng chủng loại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như quy định của hợp đồng này.

10.1.2. Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

10.1.3. Chủ trì lập biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường với bên A, cung cấp biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường với chủ nguồn thải (nếu có) theo quy định của Pháp luật hiện hành.

10.1.4. Chấp hành nghiêm chỉnh các nội qui quy định của bên A và phải chịu sự điều phối của bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

10.1.5. Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc, xuất xứ, tính không nguy hại của hàng hóa cung cấp cho Bên A; Cung cấp các chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý của chất lượng, xuất xứ, tính không nguy hại của hàng hóa cung cấp cho bên A (Khi cần). Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau.

10.1.6. Phương tiện vận chuyển hàng hóa của Bên B phải có bạt che phủ để đảm bảo vệ sinh môi trường và đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, chấp hành các quy định của Pháp luật và quy định của Bên A về giao nhận hàng hóa, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường.

10.1.7. Bên B có trách nhiệm thu hồi và nhận lại vỏ bao bì đựng hàng hóa khi có thông báo của bên A. Trong trường hợp bên B không nhận lại vỏ bao bì theo thông báo của bên A thì sau 30 ngày bên A sẽ xử lý theo quy định của bên A và bên B chịu các chi phí phát sinh (nếu có).

## 10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

10.2.1. Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp; Phối hợp cùng Bên B giải quyết phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có);

10.2.2. Có quyền từ chối không nhận hàng nếu bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên B trong trường hợp này.

10.2.3. Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do bên B cấp trong trường hợp bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của bên A và không đáp ứng với yêu cầu sản xuất.

10.2.4. Thanh toán cho bên B theo quy định của hợp đồng.

10.2.5. Phối hợp với bên B xác nhận khối lượng (Biên bản xác nhận nguồn gốc, khối lượng) các loại hàng hóa cung cấp theo hợp đồng này để làm căn cứ cho bên B làm việc với các đơn vị cung cấp hàng hóa (Khi cần).

## **Điều 11. Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

## **Điều 12. Hiệu lực hợp đồng**

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

12.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

- a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;
- b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;
- c) Bên A, Bên B bị phá sản;

d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

12.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 12.2 điều này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

12.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 12.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

12.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

## **Điều 13. Điều khoản thi hành**

13.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

13.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

13.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

13.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

13.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Tiến Trình**

Số: /BTS-KHCL

Hà Nam, ngày tháng 12 năm 2024

## HỢP ĐỒNG

Cung cấp thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman phục vụ sản xuất

### I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

*Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;*

*Biên bản ngày 16/12/2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm "Cung cấp thạch cao phục vụ sản xuất" giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem thạch cao xi măng;*

*Quyết định số /BTS-KHCL ngày 24/12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, gói mua sắm "Cung cấp thạch cao phục vụ sản xuất";*

*Nhu cầu và khả năng của các Bên.*

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

### II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN (gọi tắt là bên A)

Mã số thuế : 0700117613  
Địa chỉ trụ sở : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại : 0226.3851.323; Fax: 0226.3851.320  
Đại diện : Ông **Đỗ Tiến Trình** Chức vụ: Tổng Giám đốc  
Tài khoản : Số 4820000906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam

#### 2. CÔNG TY CP VICEM THẠCH CAO XI MĂNG (gọi tắt là bên B)

Mã số thuế : 3300101300  
Địa chỉ trụ sở : Số 24 đường Hà Nội, phường Phú Nhuận, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.  
Điện thoại : 0234.3822328 Fax: 0234.3825422  
Đại diện : Ông **Trương Phú Cường** Chức vụ: Giám đốc  
Tài khoản : Số 111000020540 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thừa Thiên Huế

### III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

#### Điều 1: Giải thích từ ngữ

1.1. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng mua bán hàng hóa này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.2. “**Phụ lục Hợp đồng**” là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.3. “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.4. “**Đơn giá**” là giá giao hàng tại kho của Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan để thực hiện Hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT;

1.5. “**Lô hàng**” bao gồm hàng hóa được mô tả tại Điều 3 của Hợp đồng này, được xác định như sau:

a) Đối với vận chuyển đường bộ: Được xác định là 1.000 tấn hàng hóa hoặc lượng hàng hóa nhập trong 01 ngày (tùy điều kiện nào đến trước).

b) Đối với vận chuyển đường thủy: Được xác định là lượng hàng hóa chứa trên 01 phương tiện vận chuyển (tàu/xà lan)

1.6. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.7. “**Ngày**” bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.8. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### Điều 2. Các tài liệu của hợp đồng

Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về Pháp lý như sau:

2.1. Văn bản Hợp đồng này;

2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);

2.3. Biên bản ngày 16/12/2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp thạch cao phục vụ sản xuất” giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem thạch cao xi măng;

2.4. Quyết định số /BTS-KHCL ngày 24/12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, gói mua sắm “Cung cấp thạch cao phục vụ sản xuất”.

#### Điều 3. Phạm vi cung cấp và giá trị hợp đồng

3.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán thạch cao Thái Lan, thạch cao Lào, thạch cao Oman (sau đây gọi là hàng hóa) phục vụ cho sản xuất xi măng của Bên A với số lượng, đơn giá và giá trị như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thạch cao Thái Lan	Tấn	3.000	1.082.000	3.246.000.000
2	Thạch cao Lào	Tấn	16.000	879.000	14.064.000.000
3	Thạch cao Oman	Tấn	16.000	808.000	12.928.000.000
<b>Cộng</b>					<b>30.238.000.000</b>
<b>Thuế GTGT 10%</b>					<b>3.023.800.000</b>
<b>Tổng cộng</b>					<b>33.261.800.000</b>

3.2. Tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%) là: 33.261.800.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng). Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và không phải ký Phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Đơn giá thực hiện hợp đồng:

a) Đơn giá tại khoản 3.1 điều này là đơn giá ứng với các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại điều 4 của hợp đồng này.

b) Đối với hàng hóa có các chỉ tiêu kỹ thuật khác với điều 4 của hợp đồng này nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sản xuất của Bên A thì sẽ được nghiệm thu, thanh toán theo khoản 7.2 điều 7 của hợp đồng này.

3.5. Điều chỉnh đơn giá:

a) Nguyên tắc điều chỉnh đơn giá

Đơn giá chỉ được điều chỉnh thông qua Phụ lục hợp đồng khi có sự thống nhất của hai bên khi:

- Nhà nước điều chỉnh tỷ giá USD/VNĐ tăng/giảm  $\geq 1,3\%$  so với tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ngày 12/12/2024: 25.465 VND/USD và/hoặc:

+ Giá FOB tại cảng Bangkok (Thái Lan) của thạch cao Thái Lan thay đổi tăng/giảm từ 0,5 USD/tấn so với giá FOB cơ sở ngày 12/12/2024 = 24 USD/tấn (đối với thạch cao Thái Lan). Bên B phải gửi thông báo giá FOB cho Bên A để làm cơ sở điều chỉnh đơn giá (nếu có) và/hoặc:

+ Giá cước vận tải đường biển quốc tế có sự điều chỉnh tăng/giảm  $\geq 2,0\%$  so với giá cước vận tải đường biển quốc tế (458.000 đồng/tấn) tại thời điểm ngày 12/12/2024 đối với thạch cao Thái Lan (do giá dầu hoặc do chính sách quản lý/quy định của Tổ chức Hàng hải Quốc tế - IMO,...).

b) Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 \pm A$$

Trong đó:

$P_1$  : Đơn giá mới



$P_0$  : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá của lần điều chỉnh trước đó

A: Giá điều chỉnh (Tăng/Giảm).

### 3.6. Thay đổi số lượng hàng hóa:

a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu tổng khối lượng Bên A mua mà không vượt quá 10% so với tổng khối lượng được quy định tại khoản 3.1 điều này thì trong trường hợp này hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng.

b) Trường hợp tổng khối lượng hàng hóa Bên A mua vượt quá 10% so với tổng khối lượng quy định tại khoản 3.1 điều này thì hai bên sẽ điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.

## Điều 4: Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa

4.1. Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc Thái Lan với các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

Stt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	%	$\geq 93,0$
2	Hàm lượng $\text{SO}_3$	%	$\geq 44,2$
3	Hàm lượng các ôxít có hại ( $\text{MgO}$ , $\text{P}_2\text{O}_5$ , $\text{Fe}_2\text{O}_3$ , $\text{K}_2\text{O}$ )(*)	%	$\leq 1,5$
4	Cặn không tan (CKT)	%	$\leq 3,0$
5	Độ ẩm nhập ( $W_{\text{thực}}$ )	%	$\leq 5,0$
6	Độ ẩm tính hàng	%	3,0
7	Kích thước hạt	mm	$\leq 100$
	Kích thước hạt nhỏ hơn 50mm	%	$\geq 95$
	Kích thước hạt lớn hơn 50mm	%	$\leq 5$

- (\*) Chỉ tiêu kiểm tra khi cần.

- Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc từ Thái Lan, không được lẫn tạp chất có hại cho xi măng và các vật liệu như sắt, thép, gạch ngói, gỗ,...

- Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  xác định theo Tiêu chuẩn TCVN 9807:2013.

4.2. Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc Lào với các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

Stt	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	%	$\geq 86,0$
2	Hàm lượng $\text{SO}_3$	%	$\geq 40,0$
3	Hàm lượng các ôxít có hại ( $\text{MgO}$ , $\text{P}_2\text{O}_5$ , $\text{Fe}_2\text{O}_3$ , $\text{K}_2\text{O}$ )(*)	%	$\leq 1,5$
4	Cặn không tan (CKT)	%	$\leq 3,0$
5	Độ ẩm nhập ( $W_{\text{thực}}$ )	%	$\leq 5,0$
6	Độ ẩm tính hàng	%	3,0
7	Kích thước hạt	mm	$\leq 200$

- (\*) Chỉ tiêu kiểm tra khi cần.

- Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc từ Lào, không được lẫn tạp chất có hại cho xi măng và các vật liệu như sắt, thép, gạch ngói, gỗ,...

- Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  xác định theo Tiêu chuẩn TCVN 9807:2013

4.3. Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc Oman với các chỉ tiêu kỹ thuật như sau:

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Giá trị
1	Hàm lượng $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$	%	$\geq 89$
2	Hàm lượng $\text{SO}_3$	%	$\geq 41$
3	Hàm lượng các ô xít có hại ( $\text{MgO}$ , $\text{P}_2\text{O}_5$ , $\text{Fe}_2\text{O}_3$ , $\text{K}_2\text{O}$ ) (*)	%	$\leq 1,5$
4	Cặn không tan (CKT)	%	$\leq 3,0$
5	Độ ẩm nhập ( $W_T$ )	%	$\leq 5$
6	Độ ẩm tính hàng	%	3,0
7	Kích thước hạt	mm	$\leq 150$

Ghi chú:

- (\*): Chỉ tiêu kiểm tra khi cần.

- Thạch cao thiên nhiên có nguồn gốc từ Oman, không được lẫn tạp chất có hại cho xi măng và các vật liệu như sắt, thép, gạch ngói, gỗ,...

- Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  xác định theo Tiêu chuẩn TCVN 9807:2013.

#### **Điều 5. Thời gian, địa điểm giao hàng và phương thức giao nhận**

5.1. Thời gian giao hàng: Giao hàng làm nhiều đợt, khối lượng và thời gian giao hàng cụ thể của mỗi đợt theo thông báo của Bên A. Bên A gửi cho Bên B trước 25 ngày kể từ ngày có nhu cầu nhận hàng để Bên B chuẩn bị hàng. Trước 05 ngày tính từ ngày giao hàng, Bên B phải thông báo cho Bên A thời gian chính xác giao hàng.

5.2. Địa điểm giao hàng: Tại kho, bãi hoặc máng tiếp nhận của Bên A (xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam).

5.3. Phương thức giao nhận:

a) Khối lượng hàng hóa giao nhận sẽ được hai bên xác định theo khối lượng hàng trên phương tiện Bên B qua cân của Bên A.

b) Hàng hóa của Bên B vận chuyển đến kho, bãi của Bên A phải bằng phương tiện đủ điều kiện kỹ thuật an toàn, thuận tiện cho việc giao nhận hàng, chấp hành nội quy của Bên A.

c) Khi giao nhận hàng hóa, mỗi bên đều có trách nhiệm ghi chép số lượng, chất lượng, xác định thời gian dỡ hàng và các số liệu liên quan khác vào sổ theo dõi của nhau để làm cơ sở lập biên bản giao nhận tổng hợp đối chiếu.

d) Sau khi kết thúc việc giao hàng, Bên A sẽ gửi cho Bên B 01 bản chính biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của Bên A và Bên B.

## **Điều 6: Giám định chất lượng hàng hóa**

6.1. Mẫu thạch cao sẽ được lấy và kiểm tra theo quy trình của Bên A. Việc lấy mẫu có sự chứng kiến của đại diện Bên B. Thạch cao sẽ được kiểm tra chất lượng sơ bộ trên phương tiện hoặc bãi chứa của Bên B trước khi nhập hàng. Mẫu chính thức đại diện lô hàng được lấy trên phương tiện vận chuyển vào kho bãi của Bên A hoặc ở kho bãi của Bên A.

6.2. Mẫu hàng hóa sẽ được chia làm 3 phần, được niêm phong và có chữ ký xác nhận của đại diện Bên A và Bên B để chuyển các bên kiểm tra và lưu giữ. Cụ thể như sau:

- Phần 1: Giám định tại Phòng Thí nghiệm của Bên A.

- Phần 2: Bên B lưu giữ.

- Phần 3: Lưu tại phòng Thí nghiệm của Bên A. Trong trường hợp có khiếu nại liên quan đến chất lượng hàng hóa thì mẫu này sẽ được gửi đến Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Khu vực 1 để giám định lại. Kết quả giám định do đơn vị này cấp sẽ là cuối cùng và là cơ sở để giải quyết khiếu nại (nếu có) và thanh toán tiền hàng. Chi phí giám định lại này sẽ do bên đề nghị giám định chi trả.

## **Điều 7: Điều kiện nghiệm thu và khối lượng thanh toán**

7.1. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa đạt tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán theo đơn giá được quy định tại khoản 3.1 điều 3 của hợp đồng này.

7.2. Căn cứ vào kết quả mẫu chính thức của phòng Thí nghiệm Bên A, nếu hàng hóa có một hoặc nhiều chỉ tiêu kỹ thuật khác quy định tại điểm a khoản 4.1, điểm a khoản 4.2 điều 4 của hợp đồng này thì được nghiệm thu và thanh toán như sau:

7.2.1. Trường hợp độ ẩm  $\leq 3\%$  thì khối lượng thanh toán được tính trên khối lượng thực tế qua cân nhập.

7.2.2. Trường hợp độ ẩm  $> 3\%$  (Nhưng không  $> 5\%$ ) mà Bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng thanh toán được tính trên khối lượng giao hàng như sau:

$$G_q = G_{TT} \times \frac{100 - W_{TT}}{100 - 3}$$

Trong đó:

- +  $G_q$ : Khối lượng thạch cao thanh toán tương ứng độ ẩm 3%;
- +  $G_{TT}$ : Khối lượng thạch cao thực tế giao nhận;
- +  $W_{TT}$ : Độ ẩm thực tế giám định.

7.2.3. Chỉ tiêu hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ :

a) Đối với thạch cao Thái Lan: Trường hợp hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn 93% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 9.500 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn so với 93%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  không được thấp hơn 90%.

b) Đối với thạch cao Lào: Trường hợp hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn 86% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 10.400 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn so với 86%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  không được thấp hơn 82%.

c) Đối với thạch cao Oman: Trường hợp hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn 89% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 5.000 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  thấp hơn mức 89%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  không được thấp hơn 86%.

7.2.4. Trường hợp thạch cao có hàm lượng cặn không tan > 3% (Nhưng không được lớn hơn 5%) mà Bên A đồng ý nhận hàng thì khối lượng bị trừ được tính như sau:

$$G_q = G_{TT} \times \frac{\text{CKT}_{TT} - 3}{100}$$

Trong đó:

- +  $G_q$ : Khối lượng thạch cao bị trừ;
- +  $G_{TT}$ : Khối lượng thạch cao thực tế giao nhận;
- +  $\text{CKT}_{TT}$ : Cặn không tan thực tế giám định.

#### 7.2.5. Chỉ tiêu hàm lượng $\text{SO}_3$

a) Đối với thạch cao Thái Lan: Trường hợp hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn 44,2% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 4.500 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn so với 44,2%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{SO}_3$  không được thấp hơn 42%.

b) Đối với thạch cao Lào: Trường hợp hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn 40% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 4.800 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn so với 40%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{SO}_3$  không được thấp hơn 38%.

c) Đối với thạch cao Oman: Trường hợp hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn 41% thì đơn giá thanh toán sẽ giảm đi 5.000 đồng/tấn tương ứng với mỗi phần trăm (%) hàm lượng  $\text{SO}_3$  thấp hơn mức 41%. Tuy nhiên, hàm lượng  $\text{SO}_3$  không được thấp hơn 38%.

#### 7.2.6. Chỉ tiêu kích thước hạt

a) Đối với thạch cao Thái Lan:

- Nếu lô hàng có kích thước hạt > 100 mm (nhưng không > 150 mm) thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giảm trừ 05% (năm phần trăm) giá trị lô hàng và Bên B có trách nhiệm gia công kích thước hạt đảm bảo theo quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

- Nếu lô hàng có chỉ tiêu kích thước hạt (> 50 mm và < 50 mm) nằm ngoài giá trị quy định được nêu tại điểm a khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng này thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giảm trừ 01% (một phần trăm) giá trị lô hàng cho mỗi chỉ tiêu và Bên B có trách nhiệm gia công kích thước hạt đảm bảo theo quy định tại khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

b) Đối với thạch cao Lào: Nếu lô hàng có kích thước hạt > 200 mm (nhưng không > 250 mm) thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giảm trừ 05% (năm phần

trăm) giá trị lô hàng và Bên B có trách nhiệm gia công kích thước hạt đảm bảo theo quy định tại khoản 4.2 điều 4 của hợp đồng này.

c) Đối với thạch cao Oman: Nếu lô hàng có kích thước hạt > 150 mm (nhưng không > 200 mm) thì khi thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giảm trừ 05% (năm phần trăm) giá trị lô hàng và Bên B có trách nhiệm gia công kích thước hạt đảm bảo theo quy định tại khoản 4.3 điều 4 của hợp đồng này.

7.3. Bên A có quyền từ chối nhận hàng nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Độ ẩm > 5%;
- b) Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  < 90% đối với thạch cao Thái Lan;
- c) Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  < 82% đối với thạch cao Lào;
- d) Hàm lượng  $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$  < 86% đối với thạch cao Oman;
- e) Hàm lượng  $\text{SO}_3$  < 42% đối với thạch cao Thái Lan;
- f) Hàm lượng  $\text{SO}_3$  < 38% đối với thạch cao Lào;
- g) Hàm lượng  $\text{SO}_3$  < 38% đối với thạch cao Oman
- h) Cặn không tan (CKT) > 5%;
- i) Kích thước hạt > 150 mm đối với thạch cao Thái Lan;
- k) Kích thước hạt > 250 mm đối với thạch cao Lào;
- l) Kích thước hạt > 200 mm đối với thạch cao Oman

m) Trong trường hợp trên, Bên A chấp thuận nhận hàng thì khối lượng và đơn giá thanh toán được tính theo mục 7.2.2, mục 7.2.3, mục 7.2.4, mục 7.2.5, mục 7.2.6 khoản 7.2 điều 7 của hợp đồng này và Bên B bị giảm trừ 0,2% giá trị lô hàng cho mỗi chỉ tiêu vi phạm trên.

### **Điều 8: Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

8.1. Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 167.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

8.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc bằng tiền mặt hoặc đối trừ công nợ.

8.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày 31/01/2026 hoặc cho đến khi hai bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

8.4. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho Bên A do lỗi của Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này.

### **Điều 9: Thanh toán**

9.1. Phương thức thanh toán:

a) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị lô hàng trong vòng 120 ngày kể từ ngày Bên A nhận được các chứng từ sau:

- Tờ khai thạch cao nhập khẩu hoặc Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (01 bản sao) hoặc chứng từ chứng minh hàng hóa là hàng nhập khẩu hoặc chất lượng lô hàng nhập khẩu CQ.

- Hóa đơn Giá trị gia tăng.

- Phiếu phân tích chất lượng do Bên A cấp (01 bản chính).

- Biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa thực nhận có chữ ký của bên A và của bên B (01 bản chính).

- Biên bản thanh lý hợp đồng (Nếu có).

b) 10% giá trị còn lại của lô hàng được thanh toán cùng 90% giá trị lô hàng tiếp theo; 10% giá trị lô hàng cuối cùng được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ các chứng từ trên hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý hợp đồng.

9.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

9.3. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

#### **Điều 10: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên**

##### 10.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

a) Có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật cùng Bên B lấy mẫu kiểm tra sơ bộ trước khi làm các thủ tục nhập hàng; Tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa do Bên B cung cấp.

b) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của Bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B trong trường hợp này.

c) Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do Bên B cấp trong trường hợp Bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc giao hàng hóa không đúng các chỉ tiêu kỹ thuật của Bên A và không phù hợp với yêu cầu sản xuất.

d) Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Phối hợp cùng Bên B giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

##### 10.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

a) Chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng và giao hàng cho Bên A theo đúng số lượng, chất lượng và tiến độ mà hai bên đã thỏa thuận.

b) Thông báo cho Bên A về thời gian nhập hàng và cử người kết hợp cùng Bên A lấy mẫu sơ bộ để kiểm tra trước khi làm các thủ tục nhập hàng.

c) Cử đại diện đến nơi dỡ hàng để làm các thủ tục giao nhận hàng hóa, xác định khối lượng hàng giao, lấy mẫu phân tích. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa cung cấp cho Bên A; Cung cấp các chứng từ cần thiết đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa cung cấp cho Bên A (Khi cần). Hồ sơ chứng minh do hai bên thống nhất với nhau.

e) Có trách nhiệm phải trả tiền phí qua cảng Bút Sơn theo quy định của Bên A (Nếu có).

f) Hàng hóa trên phương tiện vận chuyển của Bên B phải được che phủ bằng vải bạt, thực hiện các biện pháp thích hợp nhất để giữ sạch môi trường trong quá trình lưu thông vận chuyển, lưu kho trung chuyển và giao hàng.

g) Chấp hành nghiêm chỉnh các nội qui quy định của Bên A và phải chịu sự điều phối của Bên A khi giao nhận hàng. Phương tiện và người điều khiển phương tiện của Bên B phải giữ vệ sinh, trật tự, tự bảo quản vật tư tài sản, phương tiện, đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thực hiện giao hàng tại Bên A. Nếu gây ra tai nạn cho người hoặc phương tiện hoặc gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên A.

h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hàng hóa và hồ sơ cung cấp cho bên A.

### **Điều 11: Xử lý vi phạm hợp đồng**

11.1. Phạt tiền độ thực hiện hợp đồng: Nếu Bên B vi phạm tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận thì Bên B phải chịu phạt bằng 0,5% giá trị lô hàng giao chậm cho 05 ngày chậm đầu tiên; bằng 1%/ngày giá trị lô hàng giao chậm từ ngày thứ 06 trở đi nhưng không quá 8% giá trị lô hàng giao chậm. Nếu thời gian chậm quá 15 ngày, Bên A có quyền mua hàng hóa của đơn vị khác để đảm bảo sản xuất.

11.2. Trong trường hợp Bên B giao hàng hóa không đúng yêu cầu của hợp đồng và Bên A không chấp nhận nhập hàng thì Bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng chủng loại và tiêu chuẩn kỹ thuật trong thời gian không quá 07 ngày (kể từ ngày Bên A không chấp nhận nhập hàng) và chịu phạt do giao hàng chậm theo khoản 11.1 Điều 11 của Hợp đồng này.

11.3. Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện trách nhiệm được quy định trong Hợp đồng này dẫn đến thiệt hại cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại. Trường hợp lô hàng do Bên B cung cấp có chứa chất thải nguy hại, chất gây cháy nổ, bê tông, sắt thép.... gây hư hỏng thiết bị, làm ảnh hưởng đến sản xuất, môi trường của Bên A thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.

#### **11.4. Bất khả kháng**

a) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để Hai Bên cùng xem xét;

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

c) Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng, nếu Bên B chứng minh được mình đã dùng mọi biện pháp trong khả năng có thể nhưng không thể hạn chế hoặc khắc phục

được hậu quả từ sự kiện bất khả kháng dẫn đến Bên B không thể bàn giao hàng hóa đúng tiến độ, Bên A có thể xem xét và không áp dụng điều khoản phạt vi phạm tiến độ quy định tại khoản 11.1 Điều này. Các điều khoản phạt vi phạm còn lại không áp dụng cho trường hợp Bất khả kháng.

### **Điều 12: Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

### **Điều 13: Hiệu lực của hợp đồng**

13.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

13.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

- a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;
- b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;
- c) Bên A, Bên B bị phá sản;
- d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

13.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 13.2 điều này, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

13.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 13.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

13.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

### **Điều 14: Điều khoản thi hành**

14.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

14.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

14.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương



hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

14.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

14.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trương Phú Cường**

**Đỗ Tiến Trình**

11/01/2011

## HỢP ĐỒNG

### Về việc cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất

#### I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG:

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Quyết định số 1236/BTS-HĐQT ngày 09/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc ban hành Quy chế quản lý mua sắm hàng hóa, dịch vụ và cung cấp dịch vụ của Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn;

Biên bản ngày 17/12/2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm "Cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất" giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng;

Quyết định số ...../BTS-KHCL ngày 24/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, gói mua sắm "Cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất";

Nhu cầu và khả năng của các Bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn, chúng tôi gồm có:

#### II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

##### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM BÚT SƠN (gọi tắt là Bên A)

Mã số thuế : 0700117613  
Địa chỉ trụ sở : Xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại : 0226.3851.323; Fax: 0226.3851.320  
Đại diện : Ông **Đỗ Tiến Trình** Chức vụ: Tổng Giám đốc  
Tài khoản : Số 4820000906 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam

##### 2. CÔNG TY CP VICEM VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG (gọi tắt là Bên B)

Mã số thuế : 0400101820  
Địa chỉ trụ sở : Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng  
Điện thoại : 0236 3707184  
Đại diện : Ông **Trần Văn Khôi** Chức vụ: Giám đốc  
Tài khoản : Số 5610001297 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng

### III. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

#### Điều 1: Giải thích từ ngữ

1.1. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.2. “**Phụ lục Hợp đồng**”: Là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.3. “**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.4. “**Đơn giá**” là giá giao hàng tại kho của Bên A, đã bao gồm chi phí vận chuyển, các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan để thực hiện Hợp đồng, chưa bao gồm thuế GTGT;

1.5. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.6. “**Ngày**” bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.7. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.8. “**Lô hàng**” là số lượng vỏ bao theo quy định về cỡ lô xi măng các loại (PC40: 10.000 cái/lô; PCB40: 40.000 cái/lô; PCB30: 80.000 cái/lô; MC25: 40.000/lô; C91: 40.000 cái/lô; PCB30 xanh đa dụng: 40.000 cái/lô, PCB40 xanh đa dụng: 40.000 cái/lô). Số lượng cỡ lô của vỏ bao xuất khẩu theo yêu cầu thực tế của từng đơn hàng xuất khẩu.

#### Điều 2: Các tài liệu của hợp đồng

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Văn bản Hợp đồng này;

2.2. Tất cả các Phụ lục của Hợp đồng này (Nếu có);

2.3. Biên bản ngày 17/12/2024 về việc đàm phán, thương thảo hợp đồng gói mua sắm “Cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất” giữa Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty CP Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng;

2.4. Quyết định số ...../BTS-KHCL ngày 24/12/2024 của Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, gói mua sắm “Cung cấp vỏ bao xi măng phục vụ sản xuất”.

#### Điều 3: Phạm vi cung cấp hàng hóa của hợp đồng

3.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán cho Bên A vỏ bao để đóng gói xi măng (sau đây được gọi là hàng hóa) với số lượng, đơn giá và giá trị như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)	Thành tiền (VNĐ)
1	Vỏ bao xi măng KPK 50 kg	Cái	3.300.000	5.190	17.127.000.000
	<b>Cộng</b>				<b>17.127.000.000</b>
	<b>Thuế GTGT 8%</b>				<b>1.370.160.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>18.497.160.000</b>

3.2. Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT) là 18.497.160.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

3.3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Điều chỉnh đơn giá:

Đơn giá sẽ được điều chỉnh bằng Phụ lục hợp đồng cho phù hợp với thực tế khi Nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương,... và các chi phí hợp lý khác làm biến động từ ±10% trở lên thì hai bên sẽ cùng nhau xem xét thương thảo, đàm phán và điều chỉnh giá mua bán vỏ bao xi măng cho phù hợp.

3.5. Phương thức điều chỉnh giá được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_1 = P_0 \pm A$$

Trong đó:

$P_1$  : Đơn giá mới

$P_0$  : Đơn giá quy định tại hợp đồng hoặc đơn giá của lần điều chỉnh trước đó

A: Giá điều chỉnh (Tăng/Giảm).

3.6. Thay đổi thuế GTGT: Thuế GTGT được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và không phải ký Phụ lục hợp đồng khi có thay đổi.

3.7. Thay đổi số lượng hàng hóa:

a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu tổng khối lượng Bên A mua mà không vượt quá 10% so với tổng khối lượng được quy định tại khoản 3.1 điều này thì trong trường hợp này hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng.

b) Trường hợp tổng khối lượng hàng hóa Bên A mua vượt quá 10% so với tổng khối lượng quy định tại khoản 3.1 điều này thì hai bên sẽ điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.

#### **Điều 4: Tiêu chuẩn kỹ thuật và xuất xứ hàng hóa**

4.1. Vật liệu làm vỏ bao gồm 2 lớp:

a. Lớp ngoài được làm bằng giấy Kraft phức hợp với vải PP dệt (gọi tắt là *mành KP*).

- Phần vải PP dệt: Phần vải dệt phải phẳng, có ít lỗi dệt và lỗi dệt khi phức hợp với giấy Kraft không được hằn rõ lên bề mặt vỏ bao.

- Phần giấy Kraft: Giấy Kraft phải sáng màu, chất liệu mịn, có độ bóng bề mặt và đồng nhất về màu sắc. Lớp ngoài không có hiện tượng rạn, nứt, bong tróc trong quá trình đóng bao, bốc xếp và vận chuyển.

- Tiêu chuẩn màng KP:

- + Định lượng:  $\geq 165 \text{ g/m}^2$
- + Độ bền kéo dọc:  $\geq 70 \text{ kg/5cm}$
- + Độ bền kéo ngang:  $\geq 65 \text{ kg/5cm}$
- + Độ bền mối dán:  $\geq 55 \text{ kg/5cm}$

b. Lớp trong là lớp giấy Kraft phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Độ bền kéo theo chiều dọc:  $\geq 5,5 \text{ kg/15mm}$
- Độ bền kéo theo chiều ngang:  $\geq 3,3 \text{ kg/15mm}$

Lớp ngoài và lớp trong phải trùng khớp trên toàn bộ vỏ bao, kể cả van bao.

4.2. Các yêu cầu về kích thước vỏ bao:

Thông số	Đơn vị	Kích thước		
		Vỏ bao PC40, PCB40, PCB30	PCB30 xanh đa dụng, PCB40 xanh đa dụng	Vỏ bao MC25,C91
Chiều dài tổng	mm	770÷775	765÷775	795÷800
Chiều rộng	mm	420÷423	420÷423	420÷423
Bề dày bao	mm	80÷81	80÷81	80÷81
Độ sâu của van	mm	138÷140	138÷140	138÷140
Chiều cao của van	mm	108÷110	108÷110	108÷110
Bước chỉ	mm	12÷13	12÷13	12÷13
Khối lượng vỏ bao	g/cái	200÷205	200÷205	205÷210

- Van gấp phải cân, hai mép van phải trùng nhau.

- Mép của các lớp trên hai bên sườn của vỏ bao phải trùng nhau.

4.3. Tiêu chuẩn về xăm lỗ:

STT	Tiêu chuẩn	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Kiểu cách xăm		Xăm mịn toàn phần từ ngoài vào trong lớp màng KP.	Bề mặt màng KP sau xăm lỗ phải đều, đảm bảo thoát khí theo yêu cầu.
2	Khoảng cách lỗ xăm	mm	5 x 5	
3	Kích thước lỗ xăm	mm	$\leq 0,8$	

#### 4.4. Các yêu cầu về chỉ may, đường chỉ và bước chỉ:

- Chỉ may bao có đường kính  $0,8 \div 1,0$  mm, độ bền kéo đứt  $\geq 6,0$  kg;
- Các đường chỉ may phải song song với các mép ống bao và cách mép bao  $\geq 15$  mm. Đường chỉ may không có hiện tượng bỏ mũi.

#### 4.5. Tiêu chuẩn về nẹp bao:

Nẹp vỏ bao đựng xi măng được làm bằng giấy Kraft cùng loại với giấy làm vỏ bao, nẹp vỏ bao có chiều rộng  $52 \div 54$  mm.

#### 4.6. Các quy cách nhãn mác:

- Quy cách nhãn mác của vỏ bao đựng xi măng thực hiện theo nhãn mác thống nhất do phòng Kỹ thuật - Công ty CP xi măng ViCem Bút Sơn cung cấp;
- Mực in phải đậm đều. Phần hình, chữ in phải sắc nét. Mực in không phai nhòe khi gặp nước.

4.7. Quy định về thử tải: Vỏ bao thử tải (05 vỏ ngẫu nhiên) sau khi đóng tại máy đóng bao của Vicem Bút Sơn đạt  $50 \pm 0,5$ kg/bao

- Thử tại sàn máy đóng bao: Bao xi măng được nâng lên với chiều cao  $\geq 1,3$ m sau đó thả rơi trực tiếp xuống sàn bê tông 10 lần cho mỗi vỏ bao (*cho cả 2 mặt của vỏ bao - cứ 5 lần lại lại đổi sang mặt kia của vỏ bao để thử*) vỏ bao không được bong tróc, rách vỡ (*bật đầu, bục, bong mối dán dọc*).

- Thử trên máy chuyên dùng của công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn: phải chịu được số lần rơi lớn hơn 03 lần lớp giấy ngoài không bị rạn, nứt.

#### 4.8. Nghiệm thu:

Hai bên sẽ nghiệm thu số lượng vỏ bao thực tế của các lô hàng đưa vào sử dụng theo quy định hiện hành của Bên A.

4.9. Xuất xứ hàng hóa: Hàng hóa do Công ty CP Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng (Việt Nam) sản xuất.

### **Điều 5: Phương thức giao nhận, điều kiện nghiệm thu**

#### 5.1. Phương thức giao nhận:

a) Thời gian giao hàng: Giao hàng làm nhiều đợt; số lượng sản xuất cho mỗi đợt giao hàng theo thông báo cụ thể của Bên A. Bên A căn cứ vào thời gian giao hàng, thông báo số lô in trên vỏ bao cho Bên B để phù hợp với nhu cầu sử dụng vỏ bao trong mỗi đợt của Bên A.

b) Địa điểm giao nhận: Tại khu vực đóng bao và/hoặc tại kho theo yêu cầu sản xuất của Công ty CP xi măng VICEM Bút Sơn (Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam).

#### 5.2. Nghiệm thu: Tiến hành nghiệm thu theo hai bước:

a) Nghiệm thu sơ bộ: Khi Bên B giao hàng đến kho, Bên A sẽ tổ chức kiểm đếm số lượng hàng nhập, nghiệm thu sơ bộ chất lượng hàng nhập kho: Kiểm tra sơ bộ bằng trực quan về kiểu dáng, màu sắc và các thông tin in trên vỏ bao; Lấy mẫu xác suất từ 15 - 20 cái/01 lô hàng, dùng thước mét kiểm tra các thông số cơ bản của vỏ bao theo hợp đồng ký kết. Kiểm tra độ bền vỏ bao trên hệ thống đóng bao, máy thử vỏ bao và máng xuất xi măng của Bên A. Nếu hàng hóa đáp ứng được yêu cầu về quy cách,

kỹ thuật và chất lượng theo quy định của Hợp đồng thì hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu sơ bộ, nhập kho.

b) Nghiệm thu chính thức: Sau khi sử dụng hết lô hàng, Bên A sẽ tiến hành đánh giá chất lượng qua thời gian sử dụng và việc sử dụng trên máy đóng bao, máng xuất, trung chuyển để tiến hành nghiệm thu chính thức.

5.3. Trường hợp Bên B giao hàng hóa không đúng theo yêu cầu của hợp đồng thì Bên A không nhận, Bên B phải giao ngay lô hàng khác theo đúng qui cách, chủng loại, chất lượng cho Bên A trong thời gian sớm nhất và phải chịu phạt theo Điều 8 Hợp đồng.

#### **Điều 6: Thanh toán**

6.1. Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng tiền Việt Nam.

6.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ (Nếu có).

6.3. Phương thức thanh toán:

a) Sau khi Bên B giao hết lượng hàng của từng tháng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị khối lượng hàng được nghiệm thu trong vòng 120 ngày kể từ khi nhận được các chứng từ sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định.
- Phiếu nhập kho của Bên A.
- Các biên bản nghiệm thu giữa hai bên.
- Biên bản hàng hóa rách vỡ (Nếu có).
- Các chứng từ khác liên quan (Nếu có).

b) 10% giá trị còn lại của lô hàng được thanh toán cùng 90% giá trị lô hàng tiếp theo; 10% giá trị lô hàng cuối cùng được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ các chứng từ trên hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên thanh lý hợp đồng.

#### **Điều 7: Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

7.1. Bên B phải nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 99.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu đồng).

7.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

7.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày 15/01/2026 hoặc cho đến khi hai bên thanh lý Hợp đồng (Tùy điều kiện nào đến trước).

7.4. Số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bồi thường cho Bên A do lỗi của Bên B không hoàn thành các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng này.

#### **Điều 8: Xử lý vi phạm hợp đồng và bất khả kháng**

8.1. Xử lý vi phạm hợp đồng

a) Đối với số vỏ bao rách vỡ do lỗi sản xuất của Bên B có tỷ lệ  $< 0,2\%$  thì Bên A sẽ trừ tiền số vỏ bao đó khi Bên A chuyển trả tiền cho Bên B theo giá đã mua trong Hợp đồng hoặc thông báo cho bên B cấp bù số lượng vỏ bao rách vỡ đó.

b) Đối với số vỏ bao rách vỡ có tỷ lệ từ 0,2% trở lên: Bên A sẽ trừ tiền số vỏ bao đó khi Bên A chuyển trả tiền cho Bên B theo đơn giá đã mua trong Hợp đồng hoặc thông báo cho bên B cấp bù số lượng vỏ bao rách vỡ đó, đồng thời trừ tiếp 10.000 đồng/cái rách vỡ quá tỷ lệ cho phép. (Các đơn giá này đã bao gồm: Thuế GTGT, chi phí xi măng hao hụt và các chi phí khác).

c) Khi tỷ lệ rách vỡ vượt quá 0,5% thì Bên A có quyền ngừng sử dụng lô hàng, đồng thời trả lại Bên B số lượng vỏ bao chưa sử dụng của lô hàng đó. Đối với số vỏ bao đã sử dụng và bị rách vỡ được áp dụng theo khoản 9.2. Điều 9 của Hợp đồng này.

d) Nếu Bên B giao hàng không đúng yêu cầu kỹ thuật và phải giao lại, hoặc giao hàng không đúng thời hạn đã xác nhận với Bên A, để ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày giá trị lô hàng giao chậm hoặc không đảm bảo chất lượng đó. Nếu thời gian giao chậm quá 07 ngày thì Bên A có quyền từ chối nhận lô hàng đó; mọi chi phí, tổn thất sẽ cho Bên B chịu.

e) Bồi thường thiệt hại: Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm được quy định trong hợp đồng này dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại đó cho bên bị thiệt hại.

#### 8.6. Bất khả kháng

a) Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản (hoặc hình thức khác phù hợp nhất có thể) cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng để Hai Bên cùng xem xét;

b) Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Sau khi kết thúc tình trạng bất khả kháng, Hợp đồng sẽ tiếp tục được thực hiện trừ khi có thỏa thuận khác;

c) Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng, nếu Bên B chứng minh được mình đã dùng mọi biện pháp trong khả năng có thể nhưng không thể hạn chế hoặc khắc phục được hậu quả từ sự kiện bất khả kháng dẫn đến Bên B không thể bàn giao hàng hóa đúng tiến độ, Bên A có thể xem xét và không áp dụng điều khoản phạt vi phạm tiến độ theo quy định của Hợp đồng. Các điều khoản phạt vi phạm còn lại không áp dụng cho trường hợp Bất khả kháng.

#### **Điều 9: Trách nhiệm và quyền hạn của các bên**

##### 9.1. Trách nhiệm của Bên A:

a) Thông báo cho Bên B kế hoạch đặt hàng cụ thể của tháng kế tiếp trước ngày 29 hàng tháng, trong đó ghi rõ tiến độ và khối lượng cụ thể của từng đợt đặt hàng.

b) Bố trí cán bộ, máy móc, thiết bị cần thiết để nghiệm thu kỹ thuật và kiểm đếm thực tế số vỏ bao ngay khi hàng đến kho Bên A.

c) Phối hợp cùng bên B trong quá trình thử tải, thử nghiệm độ bền của vỏ bao.

d) Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Phối hợp cùng Bên B giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).



f) Trong trường hợp có thay đổi lớn về mẫu mã, quy cách vỏ bao thì Bên A phải thông báo cho Bên B biết trước 15 ngày bằng văn bản để Bên B có kế hoạch triển khai, thực hiện.

g) Có quyền từ chối không nhận hàng nếu Bên B giao hàng không đúng chủng loại, không đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định của Hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu về tiến độ, số lượng theo đơn đặt hàng của Bên A; Có quyền không nhập đủ số lượng hàng đã ký hợp đồng và không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B trong trường hợp này.

h) Có quyền mời đơn vị khác cung cấp hàng hóa thay thế hàng hóa do Bên B cấp trong trường hợp Bên B giao hàng không đáp ứng tiến độ giao hàng hoặc vi phạm các chỉ tiêu chất lượng theo quy định của Hợp đồng này, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.

### 9.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

a) Đảm bảo cung cấp vỏ bao cho Bên A theo đúng quy cách, chất lượng, mẫu mã và tiến độ giao hàng được hai bên thống nhất, trừ trường hợp bất khả kháng được hai bên xác nhận bằng văn bản.

b) Trong vòng 02 ngày sau khi nhận được kế hoạch đặt hàng của Bên A, Bên B phải xác nhận/Thông báo kế hoạch nhập hàng chính thức cho Bên A.

c) Cùng Bên A làm các thủ tục nghiệm thu, bàn giao hàng hóa. Phối hợp cùng Bên A giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

d) Chịu các chi phí phát sinh trong quá trình thử tải, thử nghiệm độ bền của vỏ bao.

e) Chấp hành nghiêm chỉnh các nội qui quy định của Bên A và phải chịu sự điều phối của Bên A khi giao nhận hàng. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người và phương tiện, thiết bị của mình trong suốt quá trình triển khai công việc.

f) Không được bán/cung cấp loại vỏ bao mà Bên B sản xuất theo mẫu đặt hàng của Bên A (vỏ bao chính phẩm hoặc vỏ bao kém chất lượng mà Bên A không nhận) cho bất kỳ khách hàng nào khác dưới mọi hình thức. Nếu thị trường bên ngoài có tiêu thụ loại vỏ bao mang nhãn hiệu của Bên A đã đặt hàng và do Bên B sản xuất thì Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

g) Cung cấp những chứng từ cần thiết và đảm bảo tính pháp lý của hàng hóa bán cho Bên A.

h) Có trách nhiệm phải trả tiền phí qua cảng Bút Sơn theo quy định của Bên A (Nếu có).

i) Chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật Nhà nước về nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa và các giấy tờ đã gửi cho Bên A.

### 9.3. Trách nhiệm và quyền hạn chung:

Trường hợp có sự thay đổi về khối lượng và tiến độ của mỗi đợt nhập hàng thì bên có yêu cầu thay đổi phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản chậm nhất là 02 ngày trước mỗi đợt nhập hàng và chủ động phối hợp xử lý phát sinh; trường hợp những thay đổi đó không có phương án thay thế hoặc không được bên còn lại chấp nhận thì bên có yêu cầu phải thực hiện theo kế hoạch cung ứng đã thống nhất.

## **Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

10.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- b) Thay đổi, bổ sung các nội dung của hợp đồng.

10.2. Hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

## **Điều 11: Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa Các Bên. Nếu việc thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành với Các Bên. Bên có lỗi theo phán quyết của Tòa án có trách nhiệm chi trả mọi chi phí tố tụng.

## **Điều 12: Hiệu lực hợp đồng**

12.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025. Khi Hợp đồng hết thời gian hiệu lực, mỗi Bên đều phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ còn lại tồn đọng, chưa thực hiện của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

12.2. Hợp đồng này có thể chấm dứt trong những trường hợp sau:

- a) Theo thỏa thuận bằng văn bản được Hai Bên ký kết;
- b) Bên A hoặc Bên B không thực hiện những nội dung công việc theo Hợp đồng;
- c) Bên A, Bên B bị phá sản;
- d) Một trong Các Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng do những nguyên nhân bất khả kháng. Trường hợp này Bên không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng phải thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ cho những công việc đã được thực hiện cho đến khi Các Bên thống nhất được về việc chấm dứt Hợp đồng.

12.3. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo điểm b khoản 12.2 điều này, bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những chi phí vượt trội so với đơn giá và khối lượng đã ký đối với phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm này.

12.4. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm c khoản 12.2 điều này thì sẽ giải quyết theo quy định của luật phá sản và những quy định có liên quan.

12.5. Hai bên thực hiện xong các công việc theo quy định, hoàn thành mọi nghĩa vụ của hợp đồng này và không có khiếu nại gì bằng văn bản thì hợp đồng được coi là tự động thanh lý hoặc hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

## **Điều 13: Điều khoản thi hành**

13.1. Các Bên cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ toàn bộ nội dung của Hợp đồng này cũng như cam kết thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ và các điều khoản trong Hợp đồng.

13.2. Không Bên nào được tự ý sửa đổi, thay đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này trừ khi có sự đồng ý của cả Hai Bên và lập thành Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng phải có đầy đủ con dấu và chữ ký của người đại diện mỗi Bên.

13.3. Bảo mật thông tin: Hai Bên cùng cam kết sẽ không tiết lộ thông tin của Hợp đồng này cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào mà có thể gây thiệt hại về tài chính, thương hiệu, uy tín cho Bên còn lại ngoại trừ những trường hợp bắt buộc phải cung cấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng này hoặc có lợi cho Bên còn lại.

13.4. Hợp đồng sẽ vẫn còn giá trị ràng buộc thực hiện giữa Hai Bên nếu có sự thay đổi người đại diện theo pháp luật của mỗi Bên hay việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp mà mỗi Bên thực hiện sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

13.5. Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Khôi**

**Đỗ Tiến Trình**

